TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2026/DS-ST
Ngày 21-5-2026
V/v hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*1/ Bà Võ Thị Bích Huyền.

2/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 505/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Trụ sở: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987. Căn cước công dân: 092087005170.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Vắng mặt).

- Ông Lê Bằng P, sinh năm 1997. Căn cước công dân: 092097010474.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Như Ý, sinh năm 2003. Căn cước công dân: 091303014370.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Có mặt).

- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2000. Căn cước công dân: 086201004871.

Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng C số C đường N, phường C, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 08/01/2026)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1996. Căn cước công dân: 092096011833. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết với ông H các hợp đồng sau đây:

1. Hợp đồng cho vay số CCT/VN001032520211010 ngày 10/10/2021 cho vay 65.000.000 đồng trong thời hạn 24 tháng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống. Lãi suất giải ngân 29%/năm, được cố định từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất, trường hợp nếu từ ngày giải ngân đến kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất chưa đủ 03 tháng thì được giữ cố định đến hết kỳ điều chỉnh đó và sau đó lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Việc điều chỉnh lãi suất được thực hiện định kỳ vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Mức lãi suất tham chiếu được xác định theo Biểu lãi suất tham chiếu áp dụng đối với các khoản vay không có tài sản đảm bảo dành cho Khách hàng cá nhân tại V1 được V1 công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh.

Ngân hàng đã giải ngân tiền vay vào tài khoản của cho ông H mở tại Ngân hàng. Tính đến ngày 08/7/2022 ông H thanh toán tiền vay gốc được 36.633.957 đồng, còn lại 28.366.043 đồng chưa thanh toán, nợ lãi 34.502.781 đồng.

2. Hợp đồng Thẻ tín dụng ngày 05/3/2022 vay 40.000.000 đồng, lãi suất 47.88%/năm, thanh toán gốc và lãi theo kỳ thanh toán với số tiền tương ứng đã sử dụng hàng tháng. Tính đến ngày 08/7/2025 ông H đã sử dụng nguồn tiền và vi phạm nghĩa vụ cam kết trả tiền vay 161.002.567 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Ông H trả nợ vay gốc, lãi của 02 hợp đồng nêu trên (tạm tính đến ngày 08/7/2025) là 223.871.391 đồng (trong đó, nợ gốc khoản vay 28.366.043 đồng, nợ lãi khoản vay 34.502.781 đồng; nợ thẻ tín dụng 161.002.567 đồng). Tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 09/7/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn ông H: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không ghi nhận được lời khai, ý kiến, yêu cầu của ông đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên tòa: Đại diện hợp pháp Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng cho vay số CCT/VN001032520211010 ngày 10/10/2021, cập nhật đến ngày 21/5/2026 nợ gốc 28.366.043 đồng, nợ lãi 47.061.474 đồng, tổng cộng là 75.427.517 đồng. Kể từ ngày 22/5/2026 ông H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc trên.

Rút lại yêu cầu khởi đối với hợp đồng thẻ tín dụng ngày 05/3/2022, sẽ khởi kiện sau.

Đại diện Ngân hàng L: Số hiệu của hợp đồng cho vay số CCT/VN001032520211010 ngày 10/10/2021 cho vay 65.000.000 đồng thể hiện trên bản giấy, in theo mẫu. Việc quản lý, theo dõi hồ sơ vay trên hệ thống của ngân hàng là LN2110124483587, hồ sơ giải ngân là LD21286014.

Ông H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng cho vay được Ngân hàng và ông H ký kết đúng quy định, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho ông H qua tài khoản mở tại ngân hàng. Ông H được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của Ngân hàng chứng tỏ các nội dung khởi kiện, căn cứ khởi kiện chứng minh ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc, lãi nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với tiền nợ của hợp đồng cho vay là có căn cứ.

Ngân hàng rút lại yêu cầu khởi kiện tiền nợ hợp đồng thẻ tín dụng là tự nguyện, phù hợp quy định tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút này theo các Điều 5, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 98, 100, 108 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Án phí đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26, các Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H theo quy định. Việc rút yêu cầu khởi kiện nợ vay của hợp đồng thẻ tín dụng ngày 05/3/2022 là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu đã rút này.

[2] Về nội dung: Mặc dù ông H đã được Tòa án thông báo, triệu tập giải quyết, xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng đưa ra và ông H không phản đối thì được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, lời khai, chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp chứng minh ông H có ký hợp đồng vay tiền, đã nhận tiền vay bằng hình thức giải ngân qua tài khoản mở tại Ngân hàng

và đã sử dụng tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay gốc, lãi như đã thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số CCT/VN001032520211010 ngày 10/10/2021. Theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010, Ngân hàng khởi kiện ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Số tiền ông phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 21/5/2026 là 75.427.517 đồng (gồm: nợ gốc 28.366.043 đồng và nợ lãi 47.061.474 đồng). Ông H còn phải tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng từ ngày 22/5/2026 đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc trên.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận nên ông H phải chịu 3.771.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí 5.597.000 đồng theo Biên lai số 0001234 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 2 Điều 92, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;

Các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Phạm Văn H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 75.427.517 đồng (gồm: nợ gốc 28.366.043 đồng và nợ lãi 47.061.474 đồng). Kể từ ngày 22/5/2026 ông Phạm Văn H còn phải tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng cho vay đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc cho Ngân hàng.

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với hợp đồng thẻ tín dụng ngày 05/3/2022. Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 3.771.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí 5.597.000 đồng theo Biên lai số 0001234 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND Tp Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự Tp Cần Thơ;
- VKSND khu vực 3 – Cần Thơ;
- P. THADS Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Minh Mẫn